

Số: 381/KH-UBND

Phong Thổ, ngày 09 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020-2025”

Căn cứ Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc thông qua Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025;

UBND huyện Phong Thổ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025” trên địa bàn huyện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành để cụ thể hóa và triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu và Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; cấp ủy, chính quyền các xã triển khai thực hiện; đảm bảo phối hợp trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện sâu sát, cụ thể, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết, Quyết định.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện. Hàng năm lồng ghép kế hoạch này với kế hoạch, đề án, dự án, các chương trình mục tiêu có liên quan đang triển khai.

- Phân rõ chức năng chủ trì, chức năng phối hợp và nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị; trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới, trên cơ sở khai thác tiềm năng thế mạnh của từng vùng. Chuyển nền nông nghiệp quảng canh, tự cung, tự cấp sang thâm canh, sản xuất hàng hóa; từng bước bắt kịp với các địa phương khác trong tỉnh. Tập trung nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân. Đẩy nhanh xóa đói, giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5,3%/năm; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo an ninh lương thực toàn vùng, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 31.381 tấn. Bình quân lương thực đạt 463 kg/người/năm.

- Phát triển diện tích cây ăn quả tại những nơi có điều kiện về đất đai, khí hậu; hình thành vùng sản xuất tập trung phân đầu trồng mới đạt 759 ha, đưa tổng diện tích cây ăn quả toàn vùng đạt trên 4.337 ha.

- Tập trung phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao, trồng chè mới 421 ha, đưa tổng diện tích toàn vùng đạt 509 ha. Bảo tồn và phát triển (trồng bổ sung, tăng mật độ) vùng chè cổ thụ với tổng diện tích 120 ha.

- Phát triển cây dược liệu tại những vùng có điều kiện thuận lợi tại các xã Sĩ Lữ Lâu, Pa Vây Sứ, Mồ Sĩ San, Dào San, Sin Suối Hồ, trồng mới 2,0ha dược liệu quý như: sâm Lai Châu, bảy lá một hoa, lan Kim Tuyến.

- Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 4%/năm.

- Phát triển trồng mới 300 ha cây Quế, chăm sóc và duy trì 30ha cây sơn tra; 182,24ha cây mắc ca.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng một số loài cây lấy gỗ như giổi, lát, tẻch... tại những vùng có điều kiện. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,03%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới 05 xã. Bình quân tiêu chí/xã đạt 16,4 tiêu chí (theo bộ tiêu chí hiện tại).

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5,3%/năm, đến năm 2025.

- Hỗ trợ, tập trung đầu tư hạ tầng theo các chương trình mục tiêu Quốc gia, tạo thuận lợi cho sản xuất.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÀ XÃ BIÊN GIỚI TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2025

1. Về trồng trọt

- Cây lúa: Đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới. Đến năm 2025, diện tích sản xuất lúa nước đạt 3.865 ha. Năng suất bình quân đạt 47,28 tạ/ha, sản lượng 18.274 tấn. Tập trung thâm canh, tăng vụ, đưa các giống lúa thuần chất lượng, năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng vào sản xuất. Nâng cao trình độ thâm canh của người dân, khuyến khích phát triển thâm canh tăng vụ, khai hoang ruộng nước. Phát

triển một số giống lúa đặc sản địa phương đặc biệt Tẻ râu... tại một số vùng có điều kiện như Bản Lang, Nậm Xe, Đào San, Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ.... hình thành sản phẩm theo chu trình OCOP.

- Cây ngô: Duy trì diện tích ngô hiện có với quy mô 3.378ha. Năng suất đạt bình quân 38,8 tạ/ha, sản lượng đạt 13.106,89 tấn. Tiếp tục đưa các giống ngô lai năng suất, chất lượng vào sản xuất, tập trung đầu tư thâm canh nhằm tăng năng suất, hiệu quả kinh tế. Chuyển đổi một số diện tích trồng ngô kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn như: chè, quế, cây ăn quả...

- Cây ăn quả:

+ Cây ăn quả ôn đới: Đầu tư chăm sóc, thâm canh diện tích cây ăn quả ôn đới hiện có, tiếp tục trồng mới 280ha tập trung tại các xã như: Mù Sang, Đào San, Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ, Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Sin Suối Hồ.... Tập trung đưa các giống năng suất, chất lượng phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, trồng thành vùng tập trung. Hướng dẫn nhân dân thâm canh tăng năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

+ Cây chuối: Tập trung phát triển vùng chuối hiện có, tiếp tục phát triển trồng mới 269ha chuối tại khu vực vùng thấp như: Huổi Luông, Bản Lang, Hoang Thèn, Ma Li Pho, Nậm Xe... Hướng dẫn thâm canh nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo hạn chế tối đa tình trạng thoái hóa đất. Thu hút doanh nghiệp, HTX liên kết với nông dân trong sản xuất nâng cao giá trị quả chuối và ổn định đầu ra cho sản phẩm; xây dựng chỉ dẫn địa lý, hình thành sản phẩm theo chu trình OCOP.

- Cây chè:

+ Phát triển trồng mới 421 ha tại các xã Lản Nhì Thàng, Sin Suối Hồ, Nậm Xe.... Nâng tổng số diện tích chè toàn vùng lên 509 ha vào năm 2025.

+ Trồng bổ sung, tăng mật độ vùng chè cổ thụ với quy mô 120 ha, gắn với thu hút, liên kết với doanh nghiệp để phát triển, bao gồm: Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sừ, Đào San, Tung Qua Lìn và Hoang Thèn.

Thúc đẩy sản xuất chè theo hướng chế biến sâu, sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm. Bảo tồn vùng chè cổ thụ trên địa bàn các xã: Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sừ, Đào San, Tung Qua Lìn và Hoang Thèn.... xây dựng nhãn hiệu hàng hóa “Chè cổ thụ Phong Thổ”; hình thành sản phẩm theo chu trình OCOP.

- Cây dược liệu: Duy trì 314,2 ha diện tích cây dược liệu hiện có. Bảo tồn và phát triển một số loài dược liệu quý như sâm Lai Châu, Lan Kim tuyến. Trồng mới 2 ha cây dược liệu quý (theo đề án phát triển cây dược liệu) tại các xã Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sừ, Đào San, Sin Suối Hồ.

Ngoài các cây trồng chủ lực, một số xã trong vùng phát triển thêm các sản phẩm đặc trưng như Địa lan (tại các xã Sin Suối Hồ, Lản Nhì Thàng, Đào San,

Tung Qua Lìn.....), Xoài, Nhãn...(tại các xã Nậm Xe, Huổi Luông, Ma Li Pho, Hoang Thèn, Bản Lang...).

2. Về chăn nuôi, thủy sản

Tập trung hỗ trợ, phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc (chủ yếu là trâu, bò, ngựa, dê), gia cầm có giá trị kinh tế cao. Trong đó phát triển chăn nuôi trâu bò tập trung; Đầu tư xây dựng chuồng trại và mở rộng diện tích trồng cỏ tương xứng với quy mô đầu gia súc tại những vùng phát triển chăn nuôi đại gia súc tập trung. Chăn nuôi lợn tại các xã đặc biệt khó khăn vùng nội địa, quy mô 37.900 con. Chuyển đổi mạnh mẽ phương thức chăn nuôi từ thả rông sang chăn dắt, làm chuồng trại gắn với trồng cỏ, dự trữ thức ăn...

- Thủy sản: Tiếp tục mở rộng và phát triển diện tích cá ao đạt 24,58 ha; Phát triển vùng nuôi cá nước lạnh tại huyện Phong Thổ với quy mô 2.087m³ tại các xã Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ... Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt 78,13 tấn, trong đó nuôi trồng 76,53 tấn.

3. Về lâm nghiệp

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, tập trung bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng hiện có. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng một số loài cây lấy gỗ như giổi, lát, tếch... tại những vùng có điều kiện. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng. Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 44,03%.

- Cây quế: Phát triển trồng mới 300ha Quế tại các xã Huổi Luông, Ma Li Pho, Hoang Thèn, Nậm Xe, Bản Lang...

- Cây sơn tra: Duy trì diện tích 69,59 ha cây Sơn Tra tại các xã Sin Suối Hồ, Lán Nhì Thàng.

- Phát triển trồng các loài cây gỗ lớn như lát, giổi, tếch tại các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới.

Thực hiện mời gọi, thu hút doanh nghiệp liên kết đầu tư theo danh mục sản phẩm chủ lực trên diện tích 22.700 ha đất sản xuất lâm nghiệp.

4. Về giao thông nội đồng, thủy lợi, nước sinh hoạt

- Giai đoạn 2020 – 2025 hỗ trợ đầu tư mở mới 9km đường nội đồng vùng chè cổ thụ theo tiêu chuẩn đường cấp B để quản lý, chăm sóc, bảo vệ gắn với du lịch vùng chè tại các xã Mồ Sì San, Sì Lở Lầu, Pa Vây Sừ...Hỗ trợ mở mới nền đường với mức 500 triệu đồng/km (theo đề án phát triển hạ tầng thiết yếu tại khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2020); hỗ trợ bê tông mặt đường mức 750 triệu/km (bao gồm cống và rãnh thoát nước ở một số vị trí xung yếu).

- Các hạ tầng khác: Đối với công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; đường trục xã, bản; đường nội đồng vùng chè, vùng lúa thực hiện theo Chương trình hiện hành.

5. Về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 15 xã đặc biệt khó khăn. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của 01 xã đã đạt chuẩn; đến năm 2025 có 05 xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới đạt tiêu chí nông thôn mới. Bình quân tiêu chí đạt 16,4 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 15 tiêu chí (theo bộ tiêu chí hiện tại).

6. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tiếp tục xây dựng, thực hiện và đưa các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao trình độ sản xuất cho người dân. Hằng năm chủ động bố trí ngân sách thực hiện các mô hình khuyến nông tập trung vào các sản phẩm chủ lực và sản phẩm có thế mạnh từng vùng nhằm nhân rộng mô hình và chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho người nông dân, thúc đẩy sản xuất phát triển. Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập, quán triệt Đề án; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về sự cần thiết, tầm quan trọng và nội dung của phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới đến các ngành, địa phương và nhân dân trong tỉnh nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và nhân dân; tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả đề án phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới đến năm 2025.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát từ tỉnh đến cơ sở tình hình thực hiện, chú trọng sự tham gia giám sát của cộng đồng.

- Chuyển đổi nhận thức, phương thức hành động của người dân bằng các mô hình trình diễn nhằm giúp người dân thay đổi phương thức sản xuất lạc hậu. Xây dựng các điển hình về làm kinh tế giỏi ở mỗi bản, gắn với tuyên truyền, phổ biến các điển hình cho người dân học tập, làm theo.

2. Giải pháp về đất đai

- Thực hiện tốt các chính sách về đất đai, thực hiện việc chuyển đổi các diện tích đất hoang hóa, đất canh tác kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế hoặc chăn nuôi. Khuyến khích người dân khai hoang ruộng nước tại những nơi có điều kiện.

- Khuyến khích nông dân góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp. Khuyến khích việc chuyển nhượng, tích tụ ruộng đất gắn với thực hiện các dự án đầu tư. Cải tạo và nâng cao hệ số sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, đề án đã được phê duyệt, để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, phát huy tích cực các nội dung tái cơ cấu và hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

3. Giải pháp về khoa học kỹ thuật

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho các xã trong vùng về sản xuất, thâm canh các đối tượng cây trồng, vật nuôi theo định hướng phát triển của đề án; đưa các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất, phù hợp với nhu cầu của thị trường, phù hợp với từng vùng sinh thái. Xây dựng các mô hình trình diễn cho từng xã nhằm chuyển giao kỹ thuật cho người dân theo hướng “cầm tay, chỉ việc”. Đặc biệt lưu ý đến các mô hình về các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế như: lúa chất lượng, chè, quế, mắc ca, sơn tra, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, cá lồng...

- Thực hiện hỗ trợ cho người dân các loại giống cây trồng vật nuôi đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, sạch bệnh, cho năng suất, chất lượng cao. Đối tượng cây trồng, vật nuôi hỗ trợ phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân và điều kiện thực tế về đất đai, khí hậu, trình độ canh tác.

- Tập trung sản xuất lúa thuần chất lượng, lúa đặc sản địa phương. Áp dụng các quy trình tiên tiến vào sản xuất, sản xuất theo hướng đảm bảo an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, đặc biệt là cây dược liệu, cây ăn quả....Xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa, chỉ dẫn địa lý đối với những nông sản có thế mạnh của vùng.

- Các cơ quan chuyên môn của huyện tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở, bám sát địa bàn, hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là các biện pháp thâm canh, tăng năng suất.

4. Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị.

- Định hướng, xác định cụ thể các đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp

cho từng vùng; gắn người dân với các doanh nghiệp, HTX thực hiện liên kết sản xuất theo hướng tập trung, hàng hóa.

- Đẩy mạnh các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào - tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân. Trong đó, doanh nghiệp giữ vai trò đầu mối, nòng cốt nhằm nâng cao hiệu quả, khả năng cạnh tranh hàng nông sản; khuyến khích hộ cá thể liên kết thành tổ hợp tác, HTX, đủ năng lực cạnh tranh, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong tình hình mới.

5. Giải pháp về thị trường

- Phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi theo hướng xã hội hóa và tuân theo cơ chế thị trường. Khuyến khích tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp trên địa bàn vùng. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị dịch vụ tham gia chuyển giao KHKT nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới phát triển.

- Nhà nước hỗ trợ cung cấp, dự báo thông tin tình hình thị trường, giá cả nông sản trên các phương tiện; nắm chắc thông tin thị trường cung cầu hàng hóa nông sản để làm cơ sở giúp các người dân, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường và chủ động tìm đầu ra cho nông sản. Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện liên kết với người dân theo chuỗi giá trị, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường xây dựng hệ thống cung cấp thông tin, dự báo thị trường và thông tin quảng bá các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Tạo cơ chế thuận lợi để tăng cường liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh với người dân để tạo ra chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; thực hiện tốt liên kết 4 nhà.

6. Giải pháp về cơ chế chính sách

Các đề án phát triển sản xuất như đề án phát triển hạ tầng thiết yếu, đề án phát triển nông nghiệp xây dựng nông thôn mới, đề án phát triển cây sơn tra, chương trình xây dựng nông thôn mới... đều kết thúc trong năm 2020, riêng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021 (theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND) kết thúc vào năm 2021. Trong khi đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới thực hiện từ năm 2020 - 2025. Vì vậy để thực hiện đề án đảm bảo mục tiêu đề ra, các chương trình Mục tiêu quốc gia cần tiếp tục thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện tại địa bàn. Đối với các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của tỉnh cần xây dựng bổ sung cho giai đoạn tiếp theo nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp tại các xã đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ thực hiện các mô hình, dự án khuyến nông về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản... nhằm chuyển giao

khoa học kỹ thuật cho người dân; đào tạo tập huấn nghề cho người dân; chính sách phát triển kinh tế trang trại.

7. Giải pháp về nguồn lực

- Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, nguồn lực (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác hiện đã và đang triển khai) để thực hiện chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp các xã biên giới và các xã đặc biệt khó khăn. Cân đối đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất cho đội ngũ cán bộ cơ sở, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, góp phần thúc đẩy sản xuất của địa phương, đảm bảo các mục tiêu đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các xã biên giới, đặc biệt khó khăn

- Xây dựng chi tiết Kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn, hoàn thành Báo cáo UBND huyện trong Quý I năm 2020; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động lồng ghép nguồn vốn triển khai thực hiện Đề án. Chủ động lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm của xã.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Đề án đến người dân để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tạo sự đồng thuận và thống nhất trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan).

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Theo dõi, hướng dẫn UBND các xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện của các xã đảm bảo theo quy định.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã tham mưu UBND huyện cân đối bố trí lồng ghép nguồn kinh phí để triển khai tổ chức thực hiện Đề án.

- Chủ trì phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã chủ động lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm của huyện.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND các xã xác định nguồn gốc đất trồng, tổ chức khoanh vùng và hướng dẫn chuyển đổi diện tích các loại cây trồng đảm bảo theo mục tiêu và nhiệm vụ của đề án.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu điều chỉnh các quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ trong việc chuyển giao công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng nhãn hiệu, nhãn hiệu... chỉ dẫn địa lý đối với những nông sản có thế mạnh của vùng. Hướng dẫn kiểm tra đơn vị sản xuất xử dụng mẫu mã, bao bì, kiểu dáng, nhãn hiệu đã được cấp giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ theo quy định.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản trên địa bàn.

6. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho các xã trong vùng về sản xuất, thâm canh các đối tượng cây trồng, vật nuôi theo định hướng phát triển của đề án

- Xây dựng và hướng dẫn xây dựng các mô hình trình diễn cho từng xã nhằm chuyển giao kỹ thuật cho người dân theo hướng “cầm tay, chỉ việc”. Đặc biệt lưu ý đến các mô hình về các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế như: lúa chất lượng, chè, quế, mắc ca, sơn tra, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc...

- Thực hiện hỗ trợ cho người dân các loại giống cây trồng vật nuôi đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, sạch bệnh, cho năng suất, chất lượng cao. Đối tượng cây trồng, vật nuôi hỗ trợ phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân và điều kiện thực tế về đất đai, khí hậu, trình độ canh tác.

- Tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở, bám sát địa bàn, hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là các biện pháp thâm canh, tăng năng suất.

7. Đài truyền thanh – Truyền hình huyện

Tăng cường phổ biến, tuyên truyền về nội dung của Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu và Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu. Hướng dẫn các xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý.

8. Các phòng, ban và đơn vị có liên quan

- Căn cứ Kế hoạch, nội dung của Đề án và chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao rà soát, xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị và cụ thể hóa, phân kỳ thực hiện nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm.

- Triển khai thực hiện Đề án và lồng ghép với kế hoạch, đề án, dự án chương trình mục tiêu có liên quan đang triển khai thực hiện.

9. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phong Thổ và các thành viên.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của huyện tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung của Đề án đến toàn thể đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện có gì vướng mắc báo cáo UBND huyện để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.!

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lai Châu (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các phòng, ban đơn vị huyện;
- UBND các xã đặc biệt khó khăn, biên giới;
- Lưu VT.

lưu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Handwritten signature

Vương Thế Mẫn

